

Số: 195/TB-TT

Cù Chi, ngày 02 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1180	190	244	235	249	262
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1180	190	244	235	249	262
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	911 (77.2%)	152 (80%)	174 (71.3%)	150 (63.8%)	203 (81.5%)	232 (88.5%)
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	255 (21.6%)	28 (14.7%)	68 (27.9%)	83 (35.3%)	46 (18.5%)	30
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	14 (1.2%)	10 (5.3%)	2 (0.8%)	2 (0.9%)		
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	629 (53.3%)	132 (11.2%)	131 (53.7%)	96 (40.9%)	94 (37.8%)	176 (67.2%)
2	Có thành tích vượt trội, tiêu biểu (tỷ lệ so với tổng số)	236 (20%)	20 (10.5%)	43 (17.6%)	47 (20%)	103 (41.4%)	16 (6.1%)
3	Có thành tích tiến bộ vượt bậc (tỷ lệ so với tổng số)	46 (3.9%)	0	0	21 (8.9%)	6 (2.4%)	40 (15.2%)
4	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	255 (21.6%)	28 (14.7%)	68 (27.9%)	83 (35.3%)	46 (18.5%)	30 (11.5%)

5	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	14 (1.2%)	10 (5.3%)	2 (0.8%)	2 (0.9%)		
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1166 (98.8%)	180 (94.7%)	242 (99.72%)	233 (99.1%)	249 (100%)	262 (100%)
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	911 (77.2%)	152 (80%)	174 (71.3%)	150 (63.8%)	203 (81.5%)	232 (88.5%)
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	18 (1.5%)	0	0	0	2 (0.8%)	16 (6.1%)
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	14 (1.18%)	10 (5.3%)	2 (0.8%)	2 (0.9%)		


HIỆU TRƯỞNG
Trần Văn Thanh